Chi tiết mã HS 6306.19.20

Mã HS	6306.19.20
Mô tả hàng hóa	Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng; tăng (lều) (kể cả mái che tạm thời và các vật dụng tương tự); buồm cho tàu thuyền, ván lướt hoặc ván lướt cát; các sản phẩm dùng cho cắm trại / - Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng: / - - Từ các vật liệu dệt khác: / - - - Từ bông
Đơn vị	kg/m/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 20:50:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/63061920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9892
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9892
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9892
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6.9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9427
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9378
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9378
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9378
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9378
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9378
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9378
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9430
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9430
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9430
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9430

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9430
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9430
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9431
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9431
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9431
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9431
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9431
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9431
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9432
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9384
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9390
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9390
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9390
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9390
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9390
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9390
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9415
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9415
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9415
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9415
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9415
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9415
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9461
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9461
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9461
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9461

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9461
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9461
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9440
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9440
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9440
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9440
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9440
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9440
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9453
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9453
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9453
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9453
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9453
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9453
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9463
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9463
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9463
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9463
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9463
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9463
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9462
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9462
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9462
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9462
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9462
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9462

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9409
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9409
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9409
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9409
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9409
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9409
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9409
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9447
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9447
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9447
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9447
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9447
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9447
RCEP B	2022	2022	0	B!D9447
RCEP B	2023	2023	0	B!E9447
RCEP B	2024	2024	0	B!F9447
RCEP B	2025	2025	0	B!G9447
RCEP B	2026	2026	0	B!H9447
RCEP B	2027	2027	0	B!I9447
RCEP C	2022	2022	0	C!D9447
RCEP C	2023	2023	0	C!E9447
RCEP C	2024	2024	0	C!F9447
RCEP C	2025	2025	0	C!G9447
RCEP C	2026	2026	0	C!H9447
RCEP C	2027	2027	0	C!I9447
RCEP D	2022	2022	0	D!D9446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9446
RCEP D	2024	2024	0	D!F9446
RCEP D	2025	2025	0	D!G9446
RCEP D	2026	2026	0	D!H9446
RCEP D	2027	2027	0	D!I9446
RCEP E	2022	2022	0	E!D9450
RCEP E	2023	2023	0	E!E9450
RCEP E	2024	2024	0	E!F9450
RCEP E	2025	2025	0	E!G9450
RCEP E	2026	2026	0	E!H9450
RCEP E	2027	2027	0	E!I9450
RCEP F	2022	2022	0	F!D9447
RCEP F	2023	2023	0	F!E9447
RCEP F	2024	2024	0	F!F9447
RCEP F	2025	2025	0	F!G9447
RCEP F	2026	2026	0	F!H9447
RCEP F	2027	2027	0	F!I9447
VIFTA	2024	2024	10.3	VI!F8744
VIFTA	2025	2025	8.6	VI!G8744
VIFTA	2026	2026	6.9	VI!H8744
VIFTA	2027	2027	5.1	VI!I8744

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6306.19 có 3 dòng thuế; dòng 6306.19.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Từ bông.	6306.19.10 Từ sợi dệt thực vật thuộc nhóm 53.05; 6306.19.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6306.19.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 6306.19.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9892), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.